

Số: /2026/QĐ-UBND

Hung Yên, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý
kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Nghị định số 235/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 20/2017/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 64/2024/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Căn cứ Nghị quyết số/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên Quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số/TTr-SCT ngày tháng năm 2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy định về việc xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Công Thương, Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực IV; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Giám đốc Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công thương (Vụ pháp chế, Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyên đội xanh và Khuyến công);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (CSDLQG về pháp luật);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, KT1^{BT}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Quang Ngọc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**VỀ VIỆC XÂY DỰNG KẾ HOẠCH, TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ QUẢN LÝ
KINH PHÍ KHUYẾN CÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HƯNG YÊN**
(Ban hành kèm theo Quyết định số/2026/QĐ-UBND ngày/...../2026 của
UBND tỉnh Hưng Yên)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công; quy trình xây dựng, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện các đề án khuyến công trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại các xã, phường thuộc tỉnh; các làng nghề được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).

2. Cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; doanh nghiệp, hợp tác xã là chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.

3. Nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

4. Tổ chức, cá nhân tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công

1. Quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công phải đúng theo quy định của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP; Nghị định số 235/2025/NĐ-CP; Thông tư số 28/2018/TT-BTC.

2. Việc lập, chấp hành và quyết toán kinh phí khuyến công từ ngân sách tỉnh cấp cho hoạt động khuyến công thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, các văn bản hướng dẫn thi hành luật và các quy định tại Thông tư số 28/2018/TT-BTC.

Điều 4. Điều kiện để được hỗ trợ kinh phí khuyến công

Các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Điều 2 Quy định này được hỗ trợ kinh phí khuyến công phải đáp ứng các yêu cầu:

1. Nội dung nhiệm vụ, đề án phù hợp với nội dung, danh mục ngành nghề quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP, Nghị định số 235/2025/NĐ-CP.
2. Nhiệm vụ, đề án khuyến công được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
3. Tổ chức, cá nhân đã đầu tư vốn hoặc cam kết đầu tư đủ kinh phí thực hiện đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (sau khi trừ số kinh phí được ngân sách nhà nước hỗ trợ).
4. Cam kết của tổ chức, cá nhân thụ hưởng kinh phí khuyến công chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của Nhà nước cho cùng một nội dung chi được kinh phí khuyến công hỗ trợ.
5. Tổ chức dịch vụ khuyến công, tổ chức dịch vụ khác có kinh nghiệm, năng lực để triển khai thực hiện các hoạt động khuyến công (trừ các hoạt động do cơ quan quản lý nhà nước trực tiếp thực hiện).

Chương II

TRÌNH TỰ LẬP, XÉT DUYỆT, TRIỂN KHAI VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ KHUYẾN CÔNG

Điều 5. Xây dựng kế hoạch, lập dự toán kinh phí khuyến công hằng năm

1. Trước ngày 10/8 hằng năm, Sở Công Thương gửi văn bản hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại và các cơ sở công nghiệp nông thôn xây dựng, đăng ký kế hoạch kinh phí khuyến công của năm sau.

2. Các đối tượng được quy định tại Điều 2 quy định này, có nhu cầu hỗ trợ kinh phí khuyến công đăng ký với Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị các xã, phường.

Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị các xã, phường tổng hợp nhu cầu hỗ trợ kinh phí khuyến công trên địa bàn theo Mẫu số 1, Phụ lục 1, Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, báo cáo UBND cấp xã và gửi Sở Công Thương (qua Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại) trước ngày 01/9 của năm trước liền kề năm kế hoạch.

3. Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tổng hợp nhu cầu hỗ trợ kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh, báo cáo Sở Công Thương tổng hợp chung thành dự toán kinh phí khuyến công cùng thời điểm lập dự toán ngân sách

gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng Nhân dân tỉnh quyết định.

4. Căn cứ dự toán kinh phí được giao và chương trình khuyến công địa phương giai đoạn được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Trung tâm khuyến công và Xúc tiến thương mại chủ trì xây dựng kế hoạch khuyến công địa phương (trong đó đưa ra nội dung, tiến độ thực hiện và dự kiến kết quả đạt được) báo cáo Sở Công Thương trình UBND tỉnh ban hành.

Điều 6. Quy trình xây dựng đề án, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện

1. Sau khi UBND tỉnh ban hành kế hoạch khuyến công địa phương hàng năm, Trung tâm khuyến công và Xúc tiến thương mại chủ trì tổng hợp, xây dựng đề án chi tiết đề nghị hỗ trợ kinh phí khuyến công thành 02 đợt (đợt 1 trình trước ngày 30/4, đợt 2 trình trước ngày 30/8) theo quy định tại Điều 8 Quy định này (05 bộ) gửi Sở Công Thương thẩm định (Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại hướng dẫn cụ thể nội dung, trình tự lập hồ sơ).

Trường hợp điều chỉnh, bổ sung đề án khuyến công, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại trình Sở Công Thương nội dung điều chỉnh, bổ sung kèm theo đề án chi tiết trước ngày 30/10 hằng năm.

2. Thẩm định và phê duyệt

a) Trên cơ sở hồ sơ đề án đề nghị hỗ trợ của Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại, Sở Công Thương phối hợp với Sở Tài chính tổ chức thẩm định các đề án khuyến công trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (*không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ*).

b) Sau khi thẩm định, Sở Công Thương ban hành quyết định, ký hợp đồng giao nhiệm vụ với Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại để triển khai thực hiện nội dung được hỗ trợ; thông báo bằng văn bản cho Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại nếu nội dung không được hỗ trợ.

3. Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại phối hợp với các cơ sở công nghiệp nông thôn và tổ chức, cá nhân khác có liên quan (nếu có) triển khai thực hiện các đề án khuyến công theo đúng quy định.

Điều 7. Nguyên tắc lập đề án khuyến công

1. Phù hợp với chủ trương, chính sách, quy hoạch phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của tỉnh.

2. Phù hợp với đối tượng, nội dung hoạt động khuyến công, danh mục ngành nghề được hưởng chính sách khuyến công quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP, Nghị định số 235/2025/NĐ-CP; phù hợp với nguyên tắc sử dụng kinh phí khuyến công theo quy định tại Điều 3 Quy định này và mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số/2026/NQ-HĐND của Hội đồng Nhân dân tỉnh.

3. Phù hợp với Chương trình khuyến công từng giai đoạn đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 8. Nội dung cơ bản đề án khuyến công

Đề án khuyến công phải bao gồm các nội dung chính sau:

1. Đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, đơn vị thụ hưởng, địa điểm thực hiện.
2. Sự cần thiết của Đề án: Lý do và sự cần thiết của Đề án.
3. Mục tiêu: Mục tiêu của đề án phải rõ ràng, cụ thể đáp ứng nhu cầu thực tế của cơ sở công nghiệp nông thôn.
4. Quy mô đề án: Nêu các hoạt động chính của Đề án (vốn, thiết bị, công nghệ, nhà xưởng, mặt bằng, lao động, hiệu quả kinh tế - xã hội...)
5. Nội dung và tiến độ: Xác định rõ nội dung công việc cần thực hiện và tiến độ thực hiện.
6. Dự toán chi phí: Xác định tổng chi phí cho Đề án, trong đó phân rõ cơ cấu nguồn kinh phí khuyến công hỗ trợ; kinh phí đóng góp của tổ chức, cá nhân thụ hưởng; nguồn khác (nếu có).
7. Các tài liệu kèm theo đối với từng dạng Đề án áp dụng Danh mục các tài liệu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2013/TT-BCT.

Điều 9. Tạm ứng, thanh lý hợp đồng, quyết toán kinh phí khuyến công

Việc tạm ứng, thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí khuyến công được áp dụng theo các quy định tại Chương III Thông tư số 36/2013/TT-BCT và Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân

1. Sở Công Thương

Là cơ quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh, gồm:

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, UBND cấp xã tham mưu UBND tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các chủ trương, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về công tác khuyến công phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện của tỉnh.

b) Xây dựng chương trình khuyến công từng giai đoạn, kế hoạch khuyến công hằng năm trình UBND tỉnh phê duyệt.

c) Lập dự toán kinh phí khuyến công phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ

được giao gửi Sở Tài chính để tổng hợp vào phương án phân bổ ngân sách địa phương.

d) Chỉ đạo xây dựng, phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, đề án khuyến công đảm bảo phù hợp với Chương trình khuyến công từng giai đoạn, kế hoạch khuyến công hằng năm đã được phê duyệt.

đ) Theo dõi, giám sát, kiểm tra định kỳ, đột xuất đơn vị thực hiện đề án khuyến công.

e) Thực hiện chế độ báo cáo, thanh quyết toán sử dụng kinh phí khuyến công theo quy định hiện hành.

g) Là đầu mối giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động khuyến công của địa phương.

2. Sở Tài chính

a) Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, tổng hợp kế hoạch kinh phí khuyến công hằng năm do Sở Công Thương lập, báo cáo UBND tỉnh đề trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

b) Phối hợp với Sở Công Thương thẩm định nội dung chi, mức chi các nhiệm vụ, đề án sử dụng kinh phí khuyến công.

c) Phối hợp với Sở Công Thương kiểm tra, giám sát thực hiện đề án khuyến công.

d) Thẩm định báo cáo quyết toán kinh phí khuyến công hằng năm của Sở Công Thương.

3. UBND các xã, phường

a) Phối hợp Sở Công Thương xây dựng chương trình khuyến công giai đoạn trên địa bàn tỉnh và kế hoạch khuyến công hằng năm.

b) Chỉ đạo Phòng Kinh tế, phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tuyên truyền, phối hợp với Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại hướng dẫn các cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn có nhu cầu đề nghị hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương hoàn thiện hồ sơ đăng ký kế hoạch hằng năm; xem xét lựa chọn, lập danh sách các nội dung và tổng hợp dự toán kinh phí khuyến công gửi Sở Công Thương; phối hợp với Sở Công Thương theo dõi, giám sát, kiểm tra các đơn vị thực hiện đề án khuyến công trên địa bàn.

4. Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch khuyến công trên địa bàn tỉnh.

b) Quan hệ, vận động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đóng góp, tài trợ kinh phí khuyến công.

c) Là đơn vị trực tiếp thực hiện đề án hỗ trợ từ kinh phí khuyến công, có trách nhiệm hướng dẫn lập hồ sơ đề nghị được hỗ trợ từ kinh phí khuyến công; tiếp nhận, tổng hợp xây dựng đề án trình Sở Công Thương phê duyệt.

d) Tổ chức triển khai thực hiện Đề án khuyến công theo các nội dung đã được phê duyệt; sử dụng kinh phí có hiệu quả, tiết kiệm, đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh.

đ) Hàng tháng, quý, năm báo cáo tình hình triển khai thực hiện các đề án khuyến công với Sở Công Thương; thực hiện chế độ báo cáo, thanh quyết toán sử dụng kinh phí khuyến công theo quy định hiện hành.

e) Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Đề án.

g) Tổng hợp đầy đủ hồ sơ, tài liệu, chứng từ liên quan (nếu có) gửi Sở Công Thương và Sở Tài chính thẩm định trước khi ban hành quyết định hỗ trợ. Chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu về đề án khuyến công theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức, cá nhân được thụ hưởng từ nguồn kinh phí khuyến công

a) Tổ chức, cá nhân được hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của hồ sơ; phối hợp với Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại báo cáo kết quả sau khi thực hiện đề án. Trong trường hợp không thể thực hiện được đề án, phương án đã nêu trong hồ sơ, phải hoàn trả lại khoản kinh phí hỗ trợ đã nhận.

b) Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Đề án.

c) Chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu về Đề án khuyến công theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ngành, địa phương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hướng dẫn, giúp đỡ tổ chức, cá nhân lập hồ sơ, phối hợp chặt chẽ với Sở Công Thương và Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại trong việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công theo quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh. Trường hợp sử dụng sai mục đích, làm thất thoát kinh phí, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.